TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2018
"V/v ly hôn giữa chị X và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM – TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Bà Nguyễn Thị Ngà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án nhân dân huyện Văn Lâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên: Bà Trịnh Thị Oanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị X – SN 1993 (có mặt)
HKTT: Thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên
Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H – SN 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng: Bà Hoàng Thị M – SN 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2017 và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị X và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 05/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh H. Vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Cuộc sống của người nào biết bổn phận của người đó, không ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân, mỗi người một nơi từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, cờ bạc, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Chị X và gia đình đã khuyên bảo anh H rất nhiều nhưng anh H không thay đổi. Chị X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung, chị X trình bày: Vợ chồng chị không có con chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị X trình bày vợ chồng chị không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị X xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị X xác định không có công sức gì với gia đình chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H có lời khai thống nhất với quan điểm của chị X về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung. Anh H đồng ý ly hôn với chị X.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đã không lấy được lời khai của anh H để xác định quan điểm của anh về quan hệ tài sản, công nợ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa được mở lần thứ nhất và lần thứ hai. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do tại tất cả những lần Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy nguyên đơn và bị đơn đều chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị X được ly hôn với anh H.

Về con chung; Về công nợ chung; Tài sản chung; Công nợ chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1]. Về hôn nhân: Chị X và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Đ ngày 05 tháng 3 năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị X và anh H cho thấy sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống

ly thân từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay, anh Hcó quan điểm đồng ý ly hôn với chị X. Lời khai của chị X phù hợp với lời khai của anh H, phù hợp với lời khai của bà M (là mẹ đẻ anh H) và cung cấp của UBND xã Đ. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, không còn duy trì đời sống chung vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cho chị X được ly hôn với anh H.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị X không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về công nợ: Chị X xác định vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị X xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị X không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Xuyến phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị X. Cho chị Hà Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Chị X và anh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng, về công nợ, về công sức và ruộng nông nghiệp không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị X phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tạm ứng án phí đã nôp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 014770 ngày 16/10/2017, chị Xđã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành ánh có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Hoàng Lâm

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UUBND xã Đ
- Lưu HS vụ án.